

TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN CÔNG TRÚ VỀ KÊ SĨ

LÊ THỊ LAN*

Tóm tắt: Sĩ là tầng lớp đứng đầu trong tứ dân của xã hội phong kiến Việt Nam. Tư tưởng về kẻ sĩ như là mẫu người lý tưởng của xã hội đã được nhiều nhà Nho đề xướng, trong đó có Nguyễn Công Trứ⁽¹⁾. Tư tưởng của Nguyễn Công Trứ về kẻ sĩ có ý nghĩa định hướng xây dựng một mẫu hình người trí thức Nho học trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Bài viết làm rõ quan niệm của Nguyễn Công Trứ về phẩm chất tinh túy, vai trò trọng đại và bốn phận nặng nề của kẻ sĩ trong xây dựng và giữ gìn xã hội thái bình, thịnh trị.

Từ khóa: Nguyễn Công Trứ, Nho giáo, kẻ sĩ, quân tử.

Mở đầu

Theo Nho giáo, kẻ sĩ (còn gọi là quân tử) là mẫu hình lý tưởng của nền giáo dục và chính trị. Với sự phục hưng của Nho giáo, hệ thống giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ XIX đã tạo ra một đội ngũ quan lại theo khuôn mẫu kẻ sĩ. Lớp kẻ sĩ khoa bảng mà triều Nguyễn đào tạo thời này thực sự là lớp người hiền tài, là nguyên khí quốc gia. Họ trung thành với vương triều, đáp ứng những đòi hỏi mà triều đình đặt ra trong quản lý điều hành đất nước, góp phần củng cố và xây dựng nhiều giá trị về văn hoá và đạo đức. Trong bối cảnh công tác đào tạo, sử dụng cán bộ của Nhà nước hiện nay còn nhiều bất cập, chúng ta cần tìm hiểu tư tưởng của cha ông về đào tạo và sử dụng nguồn nhân tài, trong đó có tư tưởng của Nguyễn Công Trứ. Bài viết này tập trung diễn giải tư tưởng nổi tiếng của Nguyễn Công Trứ về kẻ sĩ.

1. Tư tưởng của Nguyễn Công Trứ về vị trí của kẻ sĩ trong xã hội

Tư tưởng của Nguyễn Công Trứ về kẻ sĩ là sự tiếp thu những tư tưởng đạo đức nhân sinh căn bản của Nho giáo kết hợp với những suy tư mang nặng dấu ấn của cá nhân ông. Tính chất lý tưởng của người quân tử Nho giáo đã được Nguyễn Công Trứ⁽²⁾ khái quát thành những tư tưởng điển hình về kẻ sĩ. Trong tư tưởng của ông, khái niệm kẻ sĩ

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

⁽¹⁾ Nguyễn Công Trứ (1778-1858) là một vị quan văn võ song toàn, có nhiều công trạng về phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh xã hội và cũng là một nhà nho điển hình trong nửa đầu thế kỷ XIX.

⁽²⁾ Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) là vị quan văn võ song toàn, có công lớn với triều Nguyễn dưới thời Minh Mạng. Ông có sự nghiệp rực rỡ về kinh bang tế thế, là người có công lớn phát triển nghệ thuật hát a đào và là nhà tư tưởng nhân sinh đặc sắc thời phong kiến Việt Nam.

được dùng để chỉ người có tài, có đức và có học vấn Nho học; sĩ là tầng lớp cao quý nhất, đáng trân trọng nhất trong xã hội. Ông viết:

*“Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên
Có giang san thì sĩ đã có tên”*⁽³⁾

Nghĩa là:

Xã hội chia làm bốn loại dân thì sĩ là tầng lớp đứng đầu

Tên của tầng lớp sĩ xuất hiện cùng với đất nước, giang sơn (sĩ là tầng lớp làm nên danh tiếng của đất nước).

Theo Nguyễn Công Trứ, sĩ là người trí thức Nho học; sự cao quý của tầng lớp sĩ không phải là do họ có địa vị xã hội hay tiền bạc quy định mà là do họ có học vấn và đạo đức Nho giáo:

*“Tì Chu, Hán vốn sĩ này là quý,
Miền hương đảng đã khen rằng hiếu để,
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường”*⁽⁴⁾.

Đạo tam cương, ngũ thường là rường cột của mọi mối quan hệ đạo đức - xã hội; đạo đó được Nguyễn Công Trứ thừa nhận là những chuẩn mực tất nhiên, bất biến và tuân thủ một cách nghiêm ngặt cả trên phương diện tư tưởng và cuộc sống. Trong ba mối quan hệ quân - thần, phụ-tử, chồng-vợ, ông coi trọng nhất hai mối quan hệ đầu. Nguyễn Công Trứ coi đức trung và đức hiếu là hai giá trị căn bản nhất xác định giá trị của con người, là hai giá trị dùng để phân biệt kẻ sĩ với những tầng lớp khác:

*“Có trung hiếu nên đứng trong trời đất,
Không công danh thời nát với cỏ cây”*⁽⁵⁾.

Trong thời kỳ các vua đầu triều Nguyễn, trung quân là vấn đề hàng đầu

trong xây dựng ý thức đạo đức chính trị - xã hội. Việc thiết lập trở lại vị trí độc tôn cho Nho giáo, mà nòng cốt là nền đạo đức Nho giáo, là một trong những lựa chọn sống còn về mặt ý thức hệ của triều Nguyễn. Với mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế, với đội ngũ các bậc khoa cử thâm nhuần các giá trị đạo đức Nho giáo, triều Nguyễn đã thành công trong việc thiết lập nền đạo đức Nho giáo trong đời sống chính trị - xã hội. Nguyễn Công Trứ trưởng thành trong bối cảnh đó, vì thế việc ông tiếp thu quan điểm đạo đức trung hiếu Nho giáo là điều dễ hiểu. Với Nguyễn Công Trứ, đạo đức Nho giáo là chuẩn mực đạo đức bất di bất dịch của kẻ sĩ:

*“Nặng nề thay đôi chữ quân thần,
Đạo vi tử, vi thần đâu có nhẹ”*⁽⁶⁾.

Nguyễn Công Trứ ý thức rất rõ những khó khăn của con đường dùng đạo đức để quản lý xã hội, đặc biệt là ý thức về vai trò của kẻ sĩ trong việc thực hiện con đường đức trị. Trong quan niệm của ông, kẻ sĩ là nhân vật chính của quá trình cải biến xã hội đó.

Bên cạnh phẩm chất đạo đức, kẻ sĩ là người có khí chất, có cấu trúc thực thể

⁽³⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “Luận kẻ sĩ”, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 14, Nxb Khoa học xã hội, tr. 1083 - 1084.

⁽⁴⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “Luận kẻ sĩ”, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 14, Nxb Khoa học xã hội, tr. 1083 - 1084.

⁽⁵⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “Gánh trung hiếu”, *sđđ*, tr. 1085.

⁽⁶⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “Nợ Nam nhi”, *sđđ*, tr. 1085.

ưu tú. Nguyễn Công Trứ cho rằng, kẻ sĩ là người bẩm thụ được những tinh túy của đất trời, kẻ sĩ là nơi chung đúc khí lành của núi sông, vì thế, kẻ sĩ có bản tính thông minh và phẩm hạnh cao quý:

*“Khí hao nhiên chí đại chí cương,
So chính khí đã đầy trong trời đất”⁽⁷⁾.*

Nguyễn Công Trứ theo vũ trụ luận tam tài của Nho giáo ông cho rằng con người cùng với trời và đất là ba yếu tố tạo lập nên thế giới; trong tứ dân thì kẻ sĩ là những người bẩm thụ được tinh hoa sông núi, chung đúc được phẩm hạnh của đất trời, đảm trách và thực hiện được những nghĩa vụ và bổn phận mà đất trời đặt lên vai. Kẻ sĩ nhận thức được những trách nhiệm nặng nề mà đất trời giao phó và tình nguyện đảm trách sứ mệnh làm sáng tỏ Đạo của trời đất. Đó chính là điều tạo nên giá trị của kẻ sĩ trong thang bậc tứ dân.

2. Tư tưởng của Nguyễn Công Trứ về phẩm chất và bổn phận của kẻ sĩ

Nguyễn Công Trứ ý thức rất rõ về phẩm chất và bổn phận của kẻ sĩ. Ông khẳng định rằng kẻ sĩ là người tài, là nguyên khí của quốc gia. Cái tài ở đây được ông quan niệm là tài kinh bang tế thế:

*“Kinh luân khởi tâm thượng,
Binh giáp tàng hung trung”⁽⁸⁾.*

Nghĩa là: *Tài trị quốc an dân dấy lên từ trong lòng*

Tài dẹp giặc, chinh chiến chứa chất ở trong bụng.

Kẻ sĩ không những có tài mà còn

luôn luôn ý thức rõ bổn phận phải dùng tài của mình để giúp vua trị nước an dân. Chức phận đó của kẻ sĩ do trời đất trao cho như một định mệnh, có tính định trước, không được phép lựa chọn và thoái thác, là chức phận nặng nề nhưng hết sức cao quý. Ông viết:

“Vũ trụ chức phận nội

Đáng trọng phu một túi kinh luân

Thượng vị đức hạ vị dân

Sắp hai chữ quân thần mà gánh vác”⁽⁹⁾.

Nghĩa là: *Chức phận của kẻ đại trượng phu trong vũ trụ là trên thì vì đức lớn, dưới thì vì lợi ích của người dân, phải theo đạo vua tôi, dùng tài kinh luân của mình để gánh vác trọng trách trị quốc an dân.*

Và:

“Vũ trụ chi gian giai phận sự,

Nam chi đạo thử thị anh hùng”⁽¹⁰⁾.

Nghĩa là: *Coi việc trong trời đất đều là phận sự của bản thân, làm trai như thế mới gọi là hào hùng.*

Kẻ sĩ là người tự ý thức được phẩm giá cao quý và trọng trách xã hội to lớn nhưng cũng phải biết đạo xuất xử, biết khi nào nên ra giúp vua, giúp nước, khi nào nên lui về ở ẩn. Kẻ sĩ ý thức rõ thiên chức làm sáng đạo thánh hiền của mình nên khi gặp bậc minh quân thì đem hết tài thao

⁽⁷⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Luận kẻ sĩ*”, *sđd*, tr. 1083-1084.

⁽⁸⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Luận kẻ sĩ*”, *sđd*, tr. 1083 - 1084.

^{(9), (10)} Nguyễn Công Trứ (2000), “*Gánh trung hiếu*”, *sđd*, tr. 1085.

lược ra phò vua giúp nước. Ông viết:

*“Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
đem quách cả sở tồn làm sở dụng
Trong lãng miếu ra tài lương đồng
Ngoài biên thủy rạch mũi Can tương
Sĩ làm cho bách thế lưu phương
Trước là sĩ sau là khanh tướng”*⁽¹¹⁾.

Khi chưa gặp bậc minh quân, phải thời hôn quân thì kẻ sĩ phải bảo vệ đạo thánh hiền, biết vui vẻ, ung dung ẩn danh, nấu mình nơi thôn dã như Khương Tử Nha, Y Doãn, đợi thời gặp vua sáng.

Đồng thời, kẻ sĩ trong hoàn cảnh nào cũng phải luôn nuôi dưỡng chí khí lớn lao, phải gánh vác trọng trách với non sông đất nước và luôn luôn kiên trì ý chí anh hùng:

*“Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể”*⁽¹²⁾.

Kẻ sĩ dám chấp nhận mọi khó khăn để thực hiện bốn phận, trách nhiệm với non sông:

*“Đố kị sá chi con tạo,
Nợ tang bồng quyết trả cho xong”*⁽¹³⁾.

Như vậy, trong tư tưởng Nguyễn Công Trứ, kẻ sĩ là người có phẩm chất đạo đức Nho giáo cao quý, có vị trí cao và vai trò quan trọng trong xã hội, có tài trị nước an dân, có bốn phận nặng nề nhưng vẻ vang, luôn tuân thủ phép xuất xử của Nho giáo và đặc biệt, là người có chí khí anh hùng lớn lao.

Những tư tưởng đó của Nguyễn Công Trứ là sự kế thừa và cụ thể hoá các tư

tưởng về kẻ sĩ của Khổng giáo: “Sĩ bất khả dĩ bất hoàng nghị. Nhậm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỷ nhậm, bất diệc trọng hồ? Tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ?” (Nghĩa là: Kẻ sĩ cần phải có chí khí rộng lớn và cương nghị. Là vì, gánh thì nặng mà đường thì xa. Đức nhân là cái trách nhậm mà mình phải gánh lấy, hỏi không nặng sao? Đã làm điều nhân thì làm cho đến chết mới thôi, như vậy con đường chẳng xa sao?)⁽¹⁴⁾. Trong sự kế thừa đó, ông đặc biệt phát huy và triển khai cụ thể khía cạnh chí khí, trách nhiệm của kẻ sĩ.

Nguyễn Công Trứ cho rằng, kẻ sĩ không chỉ biết tùy thời để giúp đời hiệu quả mà còn biết tự lui về vui thú núi sông, hưởng thú thanh nhàn khi đất nước đã thái bình, xã hội đã an hoà:

*“Nước nhà yên mà sĩ cũng ung dung
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch
Năm ba chú tiểu đồng lách thép
Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn...
Này này sĩ mới hoàn danh”*⁽¹⁵⁾.

Quan niệm của Nguyễn Công Trứ về phẩm chất của kẻ sĩ mang đậm dấu ấn

⁽¹¹⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Luận kẻ sĩ*”, *sđd*, tr. 1083 - 1084.

⁽¹²⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Chí khí anh hùng*”, *sđd*, tr. 1084.

⁽¹³⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Chí nam nhi*”, *sđd*, tr. 1081 - 1082.

⁽¹⁴⁾ *Luận ngữ* (1950), Thái Bá đệ bát, Đoàn Trung Còn dịch, Trí đức tông thư, Sài Gòn, tr. 124 - 125.

⁽¹⁵⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Luận kẻ sĩ*”, *sđd*, tr. 1083 - 1084.

suy tư riêng của ông. Trong Nho giáo, lựa chọn việc xuất hay xử là tùy thuộc vào điều kiện vị vua đương tại vị là minh quân hay hôn quân. Nho giáo không đề cập tới thể ứng xử của kẻ sĩ trong điều kiện khi đất nước đã an hoà. Theo Nho giáo, dưới thời trị vì của bậc vua sáng, xã hội thái bình thì kẻ sĩ vẫn hết lòng trọn đời phò vua giúp nước duy trì trạng thái tốt đẹp đó. Tuy nhiên, Nguyễn Công Trứ đã gắn thể xuất hay xử của kẻ sĩ không chỉ với tài đức của quân vương mà còn gắn với hiện trạng chủ thể hành động và quyết định, đó là cá nhân kẻ sĩ. Khi người quân tử chưa làm tròn chức phận được đất trời giao phó thì đương nhiên không thể dẫu mình, không thể ở ẩn. Nhưng, khi trách nhiệm xã hội của kẻ sĩ đã hoàn thành, đất nước thái bình, thì kẻ sĩ được quyền lui về với những thú vui tao nhã riêng tư:

*“Năm ba chú tiểu đồng lếch thếch
Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn
Nào thơ nào rượu nào địch nào đờn
Đồ thích chỉ chất đầy trong một túi
Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi”*⁽¹⁶⁾.

Ở đây, khuôn khổ khái niệm xuất hay xử của Nho giáo truyền thống đã không còn đủ chỗ để giải thích. Nói cách khác, quan niệm Nho giáo ở trường hợp này đã phải nhường chỗ cho quan niệm vô vị, tiêu dao của Lão Tử và Trang Tử. Thực chất sự chuyển hóa quan niệm này của Nguyễn Công Trứ chính là sự chuyển hóa quan niệm về con người xã

hội của Nho giáo sang quan niệm con người cá nhân tự do tự tại của Lão Tử và Trang Tử. Sự dung hoà quan niệm Nho-Lão trong khái niệm hành tàng trên nền tảng của Nho giáo được Nguyễn Công Trứ đề cập rất rõ ràng và ở tầm tự ý thức. Ông viết:

*“Thơ rằng: “Hữu danh nhân phú quý
Vô sự tiểu thân tiên”.*

*Đấng anh hùng yên phận lạc thiên
So trời đất cũng nhất ban xuân ý
Khi lãng miếu đã đành công danh ấy
Lúc yên hà khước thị xuất nhân gian
Hành tàng bất nhị kỳ quan
Cõi đời mở mặt giang san thái hoà”*⁽¹⁷⁾.

Đây chính là khía cạnh tư tưởng về con người thực sự của Nguyễn Công Trứ; đó cũng chính là phương diện phản ánh tâm tư, khát vọng, phẩm chất thực sự của ông. Sở dĩ ông là nhà Nho tài tử chính là vì ông có tư tưởng này. Ông ý thức rõ ràng về giá trị của chữ nhân sau khi đã hoàn thành ý chí anh hùng của đấng nam nhi:

*“Cái công danh là cái chi chi
Quý nhân tướng bất như nhân nhân quý”*⁽¹⁸⁾

Nghĩa là: *Nghĩ rằng người quyền quý chẳng đáng quý bằng người được hưởng sự thanh nhàn.*

⁽¹⁶⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Luận kẻ sĩ*”, *sđd*, tr. 1083 - 1084.

⁽¹⁷⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Hành tàng*”, *sđd*, tr. 1087.

⁽¹⁸⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), “*Nhân nhân với quý nhân*”, *sđd*, tr. 1100.

Khi còn trẻ, khi chưa cống hiến được tài năng cá nhân cho đất nước, Nguyễn Công Trứ xác định lập danh là bổn phận của đấng nam nhi đứng trong trời đất “Phải có danh gì với núi sông”. Nhưng khi đã hoàn thành các chức trách, bổn phận của người làm trai, của kẻ sĩ thì những người công thành danh toại, cuộc đời rạng rỡ như ông biết tiết chế dục vọng, chủ động tìm đến với chữ nhàn là rất hiếm có. Ông viết:

*“Cầm kỳ thi tửu với giang san
Dễ mấy kẻ xuất trần xuất thế”*⁽¹⁹⁾.

Như vậy, vấn đề xuất hay xử và thời điểm tìm đến với chữ nhàn của Nguyễn Công Trứ được xác định trên cơ sở tự ý thức cao của cá nhân ông như một lựa chọn có tính định hướng và tầm nhìn của một cá nhân tự do chứ không bị áp lực của thời thế hay điều kiện, hoàn cảnh bên ngoài.

Thậm chí, quan niệm tự do lựa chọn xuất hay xử của Nguyễn Công Trứ cũng không hoàn toàn đồng nhất với quan niệm về con người cá nhân vô vi, tự do tại của Lão Tử và Trang Tử, bởi nền tảng tự ý thức rất khác biệt về chức phận của kẻ sĩ, về trách nhiệm xã hội của người quân tử. Ông coi hành trình đời người quân tử là sự tự ý thức lớn lao về trách nhiệm kẻ sĩ sống trong trời đất. Ông viết: *“Trót dõ đem thân thế hẹn tang bồng, Nghìn dặm đường một gánh non sông”*⁽²⁰⁾. Vì thế, dễ hiểu rằng, khi đã 80 tuổi và đang hưởng những ngày hưu trí nhàn hạ, khi nghe tin Pháp đánh

Đà Nẵng (1-9-1858), đất nước lâm nguy, Nguyễn Công Trứ đã không ngần ngại đệ đơn lên triều đình xin được cầm quân ra trận, bảo vệ đất nước. Trước sau, ông vẫn là một nhà Nho điển hình luôn tự ý thức về trách nhiệm của kẻ sĩ và trọn đời sống vì non sông đất nước. Đó là điều căn cốt nhất làm nên giá trị của Nguyễn Công Trứ và cũng là điều căn cốt nhất mà nhờ đó ông sống mãi trong sự tôn thờ của nhân dân.

Kết luận

Tư tưởng Nguyễn Công Trứ về kẻ sĩ là điển hình cho xu hướng tư tưởng Nho giáo thực tiễn tích cực ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Nguyễn Công Trứ quan niệm kẻ sĩ là con người thống nhất được trách nhiệm xã hội với tự do cá nhân; kẻ sĩ là người đã nhận thức được quy luật của cuộc đời (theo Nho giáo), tự do lựa chọn hành động tuân thủ quy luật được nhận thức, nhờ đó, đạt được tự do thực sự. Quan niệm đó về kẻ sĩ thể hiện triết lý sống của Nguyễn Công Trứ. Cả cuộc đời ông là sự chứng thực những tư tưởng của ông về kẻ sĩ. Tư tưởng của Nguyễn Công Trứ về kẻ sĩ vừa góp phần hoàn thiện quan niệm về con người lý tưởng của Nho giáo, vừa tạo nên một sắc thái đặc sắc trong Nho giáo Việt Nam đầu thế kỷ XIX.

⁽¹⁹⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), *“Chữ nhàn”*, sđd, tr.1098 - 1099.

⁽²⁰⁾ Nguyễn Công Trứ (2000), *“Nhàn nhàn với quý nhân”*, sđd, tr. 1100.

